

LỊCH GIẢNG DẠY
Các lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung khóa 51 (2023-2024)

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
Thứ 25/10	S	TIẾP SINH					
	C	PHỔ BIẾN QUY CHẾ, CÔNG TÁC TỔ CHỨC LỚP					
Năm 26/10	S	KHAI GIẢNG, HỌC CHUYÊN ĐỀ (Đ/C Thịnh Văn Khoa – Phó Hiệu trưởng)					
	C	KNLĐ1	ĐLCS 1	TTHCM 1	NNPL: 1	LSD: 1	Triết: 1
Sáu 27/10	S	KNLĐ2	ĐLCS 2	TTHCM2	NNPL: 2	LSD: 2	Triết:2
	C	KNLĐ3	ĐLCS 3	TTHCM3	NNPL: 3	LSD: 3	Triết:3
T7&CN 28,29/10	NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN						
Hai 30/10	S	KNLĐ4	ĐLCS 4	TTHCM4	NNPL 4	LSD 4	Triết:4
	C	KNLĐ5	ĐLCS 5	TTHCM 5	NNPL: 5	LSD: 5	Triết:5
Ba 31/10	S	KNLĐ6	ĐLCS 6	TTHCM 6	NNPL: 6	LSD: 6	Triết:6
	C	KNLĐ7	ĐLCS 7	TTHCM7	NNPL: 7	LSD: 7	Triết:7
Thứ 01/11	S	KNLĐ8	ĐLCS 8	TTHCM8	NNPL: 8	LSD: 8	Triết:8
	C	KNLĐ9	ĐLCS 9	TTHCM9	NNPL: 9	LSD: 9	Triết:9
Năm 02/11	S	KNLĐ10	ĐLCS 10	TTHCM10	NNPL: 10	LSD: 10	Triết:10
	C	KNLĐ11	ĐLCS 11	TTHCM11	NNPL: 11	LSD: 11	Triết:11
Sáu 3/11	S	KNLĐ12	ĐLCS 12	TTHCM12	NNPL: 12	LSD: 12	Triết:12



Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
	C	NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7&CN 4,5/11		NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 6/11	S	KNLĐ13	ĐLCS 13	TTHCM13	NNPL: 13	TTHCM: 1	Triết:13
	C	KNLĐ: 14	ĐLCS 14	TTHCM14	NNPL: 14	TTHCM: 2	Triết:14
Ba 7/11	S	KNLĐ:15	ĐLCS 15	Triết: 1	QLHC1	TTHCM: 3	Triết:15
	C	KNLĐ:16	ĐLCS 16	Triết:2	QLHC2	TTHCM: 4	Triết:16
Tur 8/11	S	KNLĐ:17	ĐLCS 17	Triết:3	QLHC3	TTHCM: 5	Triết:17
	C	KNLĐ:18	ĐLCS 18	Triết:4	QLHC4	TTHCM: 6	Triết:18
Năm 9/11	S	KNLĐ: 19	ĐLCS 19	Triết:5	QLHC5	TTHCM: 7	Triết:19
	C	KNLĐ:20	ĐLCS 20	Triết:6	QLHC6	TTHCM: 8	Triết:20
Sáu 10/11	S	KNLĐ:21	ĐLCS 21	Triết:7	QLHC 7	THI LSD	KTCT: 1
	C	KNLĐ:22	ĐLCS 22	Triết:8	QLHC 8	TTHCM: 9	KTCT: 2
T7, CN 11, 12/11		NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 13/11	S	KNLĐ: B23	ĐLCS 23	Triết:9	QLHC 9	TTHCM: 10	KTCT 3
	C	TTHCM 1	ĐLCS 24	Triết:10	QLHC 10	TTHCM: 11	KTCT: 4
Ba 14/11	S	TTHCM2	ĐLCS 25	Triết:11	QLHC 11	TTHCM: 12	KTCT: 5
	C	TTHCM3	ĐLCS 26	Triết:12	QLHC 12	TTHCM: 13	KTCT: 6
Tur	S	TTHCM4	ĐLCS 27	Triết:13	QLHC13	TTHCM: 14	KTCT: 7

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
15/11	C	TTHCM 5	LSD1	Triết:14	QLHC14	TRIẾT: 1	KTCT: 8
Năm 16/11	S	TTHCM6	LSD2	Triết:15	QLHC15	TRIẾT: 2	KTCT: 9
	C	TTHCM 7	LSD3	Triết:16	QLHC16	TRIẾT: 3	KTCT: 10
Sáu 17/11	S	TTHCM8	LSD4	THI TTHCM	THI NNPL	TRIẾT: 4	KTCT: 11
	C	NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN 18, 19/11		NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 20/11		CHỨC MỪNG NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20/11					
Ba 21/11	S	TTHCM: 9	LSD5	Triết:17	QLHC17	TRIẾT: 5	KTCT: 12
	C	TTHCM: 10	LSD6	Triết:18	QLHC18	TRIẾT: 6	KTCT: 13
Tư 22/11	S	TTHCM: 11	LSD7	Triết:19	QLHC19	TRIẾT: 7	KTCT: 14
	C	TTHCM: 12	LSD8	Triết:20	MTTQ & TCCT- XH1	TRIẾT: 8	KTCT: 15
Năm 23/11	S	TTHCM: 13	LSD9	KTCT1	MTTQ & TCCT- XH2	TRIẾT: 9	KTCT: 16
	C	TTHCM: 14	LSD10	KTCT: 2	MTTQ & TCCT- XH3	TRIẾT: 10	CNXH:1
Sáu 24/11	S	THI KNLD (VĐ)	THI ĐLCS	KTCT: 3	MTTQ & TCCT- XH4	THI TTHCM (VĐ)	THI TRIẾT (VĐ)
	C	NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7,CN 25,26/11		NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai	S	LSD: 1	LSD11	KTCT: 4	MTTQ & TCCT- XH5	TRIẾT: 11	CNXH: 2

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
15/11	C	TTHCM 5	LSD1	Triết:14	QLHC14	TRIẾT: 1	KTCT: 8
Năm 16/11	S	TTHCM6	LSD2	Triết:15	QLHC15	TRIẾT: 2	KTCT: 9
	C	TTHCM 7	LSD3	Triết:16	QLHC16	TRIẾT: 3	KTCT: 10
Sáu 17/11	S	TTHCM8	LSD4	THI TTHCM	THI NNPL	TRIẾT: 4	KTCT: 11
	C	NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN 18, 19/11		NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 20/11		CHỨC MỪNG NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20/11					
Ba 21/11	S	TTHCM: 9	LSD5	Triết:17	QLHC17	TRIẾT: 5	KTCT: 12
	C	TTHCM: 10	LSD6	Triết:18	QLHC18	TRIẾT: 6	KTCT: 13
Tư 22/11	S	TTHCM: 11	LSD7	Triết:19	QLHC19	TRIẾT: 7	KTCT: 14
	C	TTHCM: 12	LSD8	Triết:20	MTTQ & TCCT- XH1	TRIẾT: 8	KTCT: 15
Năm 23/11	S	TTHCM: 13	LSD9	KTCT1	MTTQ & TCCT- XH2	TRIẾT: 9	KTCT: 16
	C	TTHCM: 14	LSD10	KTCT: 2	MTTQ & TCCT- XH3	TRIẾT: 10	CNXH:1
Sáu 24/11	S	THI KNLD (VĐ)	THI ĐLCS	KTCT: 3	MTTQ & TCCT- XH4	THI TTHCM (VĐ)	THI TRIẾT (VĐ)
	C	NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7,CN 25,26/11		NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai	S	LSD: 1	LSD11	KTCT: 4	MTTQ & TCCT- XH5	TRIẾT: 11	CNXH: 2

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
27/11	C	LSD: 2	LSD12	KTCT: 5	MTTQ & TCCT- XH6	TRIẾT: 12	CNXH3
Ba 28/11	S	LSD: 3	Triết: 1	KTCT: 6	MTTQ & TCCT- XH7	TRIẾT: 13	CNXH: 4
	C	LSD: 4	Triết:2	KTCT: 7	MTTQ & TCCT- XH8	TRIẾT: 14	CNXH: 5
Tư 29/11	S	LSD: 5	Triết:3	KTCT8	MTTQ & TCCT- XH9	TRIẾT: 15	CNXH: 6
	C	LSD: 6	Triết:4	KTCT9	MTTQ & TCCT- XH10	TRIẾT: 16	CNXH: 7
Năm 30/11	S	LSD: 7	Triết:5	KTCT10	MTTQ & TCCT- XH11	TRIẾT: 17	CNXH: 8
	C	LSD: 8	Triết:6	KTCT11	MTTQ & TCCT- XH12	TRIẾT: 18	CNXH: 9
Sáu 01/12	S	THI TTHCM	Triết:7	THI TRIẾT	THI QLHC	TRIẾT:19	THI KTCT
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN 02,3/12		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 04/12	S	CHÀO CỜ + HỌC CHUYÊN ĐỀ (Đ/C HIỆU TRƯỞNG)					
	C	LSD 9	Triết:8	KTCT12	ĐLCS 1	TRIẾT: 20	CNXH: 10
Ba 05/12	S	LSD: 10	Triết:9	KTCT13	ĐLCS 2	KTCT: 1	CNXH: 11
	C	LSD: 11	Triết:10	KTCT14	ĐLCS 3	KTCT: 2	CNXH: 12
Tư 06/12	S	LSD: 12	Triết:11	KTCT: 15	ĐLCS 4	KTCT: 3	CNXH: 13
	C	TRIẾT: 1	Triết:12	KTCT: 16	ĐLCS 5	KTCT 4	CNXH: 14
Năm 07/12	S	TRIẾT: 2	Triết:13	CNXH: 1	ĐLCS 6	KTCT 5	CNXH: 15
	C	TRIẾT: 3	Triết:14	CNXH: 2	ĐLCS 7	KTCT: 6	CNXH: 16
Sáu	S	TRIẾT: 4	THI LSD	CNXH: 3	ĐLCS 8	KTCT 7	ĐLCS 1

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
8/12	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN 9,10/12		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 11/12	S	TRIẾT: 5	Triết:15	CNXH: 4	ĐLCS 9	KTCT: 8	ĐLCS 2
	C	TRIẾT: 6	Triết:16	CNXH: 5	ĐLCS 10	KTCT: 9	ĐLCS 3
Ba 12/12	S	TRIẾT: 7	Triết:17	CNXH: 6	ĐLCS 11	KTCT: 10	ĐLCS 4
	C	TRIẾT: 8	Triết:18	CNXH: 7	ĐLCS 12	KTCT: 11	ĐLCS 5
Tư 13/12	S	TRIẾT: 9	Triết:19	CNXH: 8	ĐLCS 13	KTCT: 12	ĐLCS 6
	C	TRIẾT: 10	Triết:20	CNXH: 9	ĐLCS 14	KTCT: 13	ĐLCS 7
Năm 14/12	S	TRIẾT: 11	TTHCM 1	CNXH: 10	ĐLCS 15	KTCT: 14	ĐLCS 8
	C	TRIẾT: 12	TTHCM: 2	CNXH: 11	ĐLCS 16	KTCT: 15	ĐLCS 9
Sáu 15/12	S	THI LSD (VĐ)	TTHCM 3	THI KTCT	THI MTTQ&TCCT- XH (VĐ)	TRIẾT: THI	THI CNXH (VĐ)
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN 16,17/12		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 18/12	S	TRIẾT: 13	TTHCM 4	CNXH: 12	ĐLCS 17	KTCT: 16	ĐLCS 10
	C	TRIẾT: 14	TTHCM 5	CNXH: 13	ĐLCS 18	CNXH1	ĐLCS 11
Ba 19/12	S	TRIẾT: 15	TTHCM 6	CNXH: 14	ĐLCS 19	CNXH2	ĐLCS 12
	C	TRIẾT: 16	TTHCM 7	CNXH: 15	ĐLCS 20	CNXH3	ĐLCS 13
Tư 20/12	S	TRIẾT: 17	TTHCM 8	CNXH: 16	ĐLCS 21	CNXH4	ĐLCS 14
	C	TRIẾT: 18	TTHCM 9	MTTQ&TCCT-XH1	ĐLCS 22	CNXH5	ĐLCS 15

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
Năm 21/12	S	TRIẾT: 19	TTHCM 10	MTTQ&TCCT-XH2	ĐLCS 23	CNXH6	ĐLCS 16
	C	TRIẾT: 20	TTHCM 11	MTTQ&TCCT-XH3	ĐLCS 24	CNXH7	ĐLCS 17
Sáu 22/12	S	KTCT: 1	TTHCM 12	MTTQ&TCCT-XH4	ĐLCS 25	CNXH8	ĐLCS 18
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN 23,24/12		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 25/12	S	KTCT: 2	TTHCM 13	MTTQ&TCCT-XH5	ĐLCS 26	CNXH9	ĐLCS 19
	C	KTCT: 3	TTHCM 14	MTTQ&TCCT-XH6	ĐLCS 27	CNXH10	ĐLCS 20
Ba 26/12	S	KTCT: 4	CNXH1	MTTQ&TCCT-XH7	LSD1	CNXH11	ĐLCS 21
	C	KTCT: 5	CNXH2	MTTQ&TCCT-XH8	LSD2	CNXH12	ĐLCS 22
Tư 27/12	S	KTCT: 6	CNXH3	MTTQ&TCCT-XH9	LSD3	CNXH13	ĐLCS 23
	C	KTCT: 7	CNXH4	MTTQ&TCCT-XH10	LSD4	CNXH14	ĐLCS 24
Năm 28/12	S	KTCT: 8	CNXH5	MTTQ&TCCT-XH11	LSD5	CNXH15	ĐLCS 25
	C	KTCT: 9	CNXH6	MTTQ&TCCT-XH12	LSD6	CNXH16	ĐLCS 26
Sáu 29/12	S	THI TRIẾT (VĐ)	THI TRIẾT	THI CNXH (VĐ)	LSD7	THI KTCT	ĐLCS 27
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN 30,31/12		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 01/1		NGHỈ TẾT DƯƠNG LỊCH					
Ba	S	KTCT: 10	CNXH7	NNPL: 1	LSD8	XĐĐ:1	KNLĐ: 1

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
02/1	C	KTCT: 11	CNXH8	NNPL: 2	LSD9	XDD:2	KNLD: 2
Tur 03/1	S	KTCT: 12	CNXH9	NNPL: 3	LSD10	XDD:3	KNLD: 3
	C	KTCT: 13	CNXH10	NNPL: 4	LSD11	XDD: 4	KNLD: 4
Năm 04/1	S	KTCT: 14	CNXH11	NNPL: 5	LSD12	XDD:5	KNLD: 5
	C	KTCT: 15	CNXH12	NNPL: 6	TRIẾT1	XDD:6	KNLD: 6
Sáu 05/1	S	KTCT: 16	CNXH13	NNPL: 7	THI DLCS	XDD: 7	KNLD: 7
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN 6,7/1		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 08/01	S	CNXH:1	CNXH14	NNPL: 8	TRIẾT2	XDD:8	KNLD: 8
	C	CNXH:2	CNXH15	NNPL: 9	TRIẾT3	XDD:9	KNLD: 9
Ba 09/01	S	CNXH3	CNXH16	NNPL: 10	TRIẾT4	XDD:10	KNLD: 10
	C	CNXH4	KTCT: 1	NNPL: 11	TRIẾT5	XDD:11	KNLD: 11
Tur 10/01	S	CNXH5	KTCT: 2	NNPL: 12	TRIẾT6	XDD:12	KNLD: 12
	C	CNXH6	KTCT: 3	NNPL: 13	TRIẾT7	XDD:13	KNLD: 13
Năm 11/01	S	CNXH7	KTCT: 4	NNPL: 14	TRIẾT8	XDD:14	KNLD: 14
	C	CNXH8	KTCT: 5	LSD1	TRIẾT9	XDD:15	KNLD: 15
Sáu 12/01	S	CNXH9	THI TTHCM (VD)	THI MTTQ&TCCT-XH (VD)	TRIẾT10	THI CNXH	THI DLCS
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, Cn 13.14/01		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
Hai 15/01	S	CNXH10	KTCT: 6	LSD2	TRIẾT11	XDD:16	KNLD: 16
	C	CNXH11	KTCT: 7	LSD3	TRIẾT12	XDD:17	KNLD: 17
Ba 16/01	S	CNXH12	KTCT: 8	LSD4	TRIẾT13	XDD:18	KNLD: 18
	C	CNXH13	KTCT: 9	LSD5	TRIẾT14	NNPL: 1	KNLD: 19
Tư 17/01	S	CNXH14	KTCT: 10	LSD6	TRIẾT15	NNPL: 2	KNLD: 20
	C	CNXH15	KTCT: 11	LSD7	TRIẾT16	NNPL: 3	KNLD:21
Năm 18/01	S	CNXH16	KTCT: 12	LSD8	TRIẾT17	NNPL: 4	KNLD:22
	C	ĐLCS1	KTCT: 13	LSD9	TRIẾT18	NNPL: 5	KNLD:23
Sáu 19/01	S	THI KTCT	THI CNXH	LSD10	TRIẾT19	NNPL: 6	TTHCM1
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, Cn 20,21/01		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 22/01	S	ĐLCS2	KTCT: 14	LSD11	TRIẾT20	NNPL:7	TTHCM2
	C	ĐLCS3	KTCT: 15	LSD12	KTCT:1	NNPL:8	TTHCM3
Ba 23/01	S	ĐLCS4	KTCT: 16	QLHC1	KTCT:2	NNPL:9	TTHCM4
	C	ĐLCS5	MTTQ&TCCT- XH1	QLHC2	KTCT:3	NNPL: 10	TTHCM5
Tư 24/01	S	ĐLCS6	MTTQ&TCCT- XH2	QLHC3	KTCT:4	NNPL: 11	TTHCM6
	C	ĐLCS7	MTTQ&TCCT- XH3	QLHC4	KTCT: 5	NNPL: 12	TTHCM7
Năm 25/01	S	ĐLCS8	MTTQ&TCCT- XH4	QLHC5	KTCT: 6	NNPL: 13	TTHCM8
	C	ĐLCS9	MTTQ&TCCT- XH5	QLHC6	KTCT: 7	NNPL: 14	TTHCM9

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
Sáu 26/01	S	ĐLCS10	MTTQ&TCCT- XH6	THI NNPL	THI LSD (VĐ)	THI XDĐ (VĐ)	THI KNLD
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, Cn 27,28/01	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 29/01	S	ĐLCS11	MTTQ&TCCT- XH7	QLHC7	KTCT: 8	NVĐP1	TTHCM10
	C	ĐLCS12	MTTQ&TCCT- XH8	QLHC8	KTCT: 9	NVĐP2	TTHCM11
Ba 30/01	S	ĐLCS13	MTTQ&TCCT- XH9	QLHC9	KTCT: 10	NVĐP3	TTHCM12
	C	ĐLCS14	MTTQ&TCCT- XH10	QLHC10	KTCT: 11	NVĐP4	TTHCM13
Tư 31/01	S	ĐLCS15	MTTQ&TCCT- XH11	QLHC11	KTCT: 12	NVĐP5	TTHCM14
	C	ĐLCS16	MTTQ&TCCT- XH12	QLHC12	KTCT: 13	NVĐP6	XĐĐ:1
Năm 01/02	S	ĐLCS17	NNPL: 1	QLHC13	KTCT: 14	NVĐP7	XĐĐ: 2
	C	THI CNXH	NNPL: 2	THI LSD	KTCT: 15	THI NNPL	XĐĐ:3
		NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN TỪ 02/02/2024 ĐẾN 25/02/2024 (TỨC TỪ 23/12 ÂM LỊCH ĐẾN 16 THÁNG GIÊNG ÂM LỊCH)					
Hai 26/02 Chào cờ	S	ĐLCS18	NNPL: 3	QLHC14	KTCT: 16	NVĐP8	XĐĐ:4
	C	ĐLCS19	NNPL: 4	QLHC15	CNXH1	NVĐP9	XĐĐ:5
Ba 27/02	S	ĐLCS20	NNPL: 5	QLHC16	CNXH2	NVĐP10	XĐĐ:6
	C	ĐLCS21	NNPL: 6	QLHC17	CNXH3	MTTQ&TCCT- XH1	XĐĐ:7
Tư	S	ĐLCS22	NNPL: 7	QLHC18	CNXH4	MTTQ&TCCT- XH2	XĐĐ:8

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
28/02	C	ĐLCS23	NNPL: 8	QLHC19	CNXH5	MTTQ&TCCT- XH3	XĐĐ:9
Năm 29/2	S	ĐLCS24	NNPL: 9	KNLĐ1	CNXH6	MTTQ&TCCT- XH4	XĐĐ:10
	C	ĐLCS25	NNPL:10	KNLĐ2	CNXH7	MTTQ&TCCT- XH5	XĐĐ:11
Sáu 01/3	S	ĐLCS26	THI KTCT (VĐ)	KNLĐ3	THI TRIẾT	MTTQ&TCCT- XH6	THI TTHCM
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7,CN 02/3		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 04/3	S	ĐLCS27	NNPL: 11	KNLĐ4	CNXH8	MTTQ&TCCT- XH7	XĐĐ:12
	C	XĐĐ: 1	NNPL: 12	KNLĐ5	CNXH9	MTTQ&TCCT- XH8	XĐĐ:13
Ba 05/3	S	XĐĐ: 2	NNPL: 13	KNLĐ6	CNXH10	MTTQ&TCCT- XH9	XĐĐ:14
	C	XĐĐ: 3	NNPL: 14	KNLĐ7	CNXH11	MTTQ&TCCT- XH10	XĐĐ:15
Tư 06/3	S	XĐĐ: 4	QLHC: 1	KNLĐ8	CNXH12	MTTQ&TCCT- XH11	XĐĐ:16
	C	XĐĐ: 5	QLHC: 2	KNLĐ9	CNXH13	MTTQ&TCCT- XH12	XĐĐ:17
Năm 07/3	S	XĐĐ: 6	QLHC: 3	KNLĐ10	CNXH14	ĐLCS1	XĐĐ:18
	C	XĐĐ: 7	QLHC: 4	KNLĐ11	CNXH15	ĐLCS2	KTBT1
Sáu 08/3	S	XĐĐ: 8	THI MTTQ&TCCT- XH	THI QLHC (vđ)	CNXH16	THI NVĐP	KTBT2
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7,CN 09, 10/3		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai	S	XĐĐ: 9	QLHC: 5	KNLĐ12	TTHCM1	ĐLCS3	KTBT 3

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
11/3	C	XDD: 10	QLHC: 6	KNLĐ13	TTHCM2	ĐLCS4	KTBT 4
Ba 12/3	S	XDD: 11	QLHC: 7	KNLĐ14	TTHCM3	ĐLCS5	KTBT5
	C	XDD: 12	QLHC: 8	KNLĐ15	TTHCM4	ĐLCS6	KTBT6
Tư 13/3	S	XDD: 13	QLHC: 9	KNLĐ16	TTHCM5	ĐLCS7	KTBT7
	C	XDD: 14	QLHC: 10	KNLĐ17	TTHCM6	ĐLCS8	KTBT 8
Năm 14/3	S	XDD: 15	QLHC: 11	KNLĐ18	TTHCM7	ĐLCS9	KTBT9
	C	XDD: 16	QLHC: 12	KNLĐ19	TTHCM8	ĐLCS10	KTBT10
Sáu 15/3	S	THI ĐLCS	QLHC: 13	KNLĐ20	THI KTCT (VD)	THI MTTQ&TCCT- XH	Thi XDD
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN 16,17/3		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 18/3	S	XDD: 17	QLHC: 14	KNLĐ21	TTHCM9	ĐLCS11	NNPL: 1
	C	XDD:18	QLHC: 15	KNLĐ22	TTHCM10	ĐLCS12	NNPL: 2
Ba 19/3	S	MTTQ&TCCT-XH1	QLHC: 16	KNLĐ23	TTHCM11	ĐLCS13	NNPL: 3
	C	MTTQ&TCCT-XH2	QLHC: 17	XDD: 1	TTHCM12	ĐLCS: 14	NNPL: 4
Tư 20/3	S	MTTQ&TCCT-XH3	QLHC: 18	XDD: 2	TTHCM13	ĐLCS: 15	NNPL: 5
	C	MTTQ&TCCT-XH4	QLHC: 19	XDD: 3	TTHCM14	ĐLCS: 16	NNPL: 6
Năm 21/3	S	MTTQ&TCCT-XH5	KNLĐ: 1	XDD: 4	KTBT1	ĐLCS: 17	NNPL: 7
	C	MTTQ&TCCT-XH6	KNLĐ: 2	XDD: 5	KTBT2	ĐLCS:18	NNPL: 8
Sáu	S	MTTQ&TCCT-XH7	THI NNPL (VD)	XDD:6	KTBT3	ĐLCS: 19	THI KTBT

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
22/3	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN 23,24/3		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 25/3	S	MTTQ&TCCT-XH8	KNLĐ: 3	XĐĐ: 7	KTBT4	ĐLCS: 20	NNPL: 9
	C	MTTQ&TCCT-XH9	KNLĐ: 4	XĐĐ: 8	KTBT 5	ĐLCS: 21	NNPL:10
Ba 26/3	S	NGÀY 26/3: HỘI THI HỌC VIÊN HỌC GIỎI LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ NĂM 2024					
	C						
Tư 27/3	S	MTTQ&TCCT-XH10	KNLĐ: 5	XĐĐ: 9	KTBT6	ĐLCS: 22	NNPL:11
	C	MTTQ&TCCT-XH11	KNLĐ: 6	XĐĐ: 10	KTBT7	ĐLCS: 23	NNPL:12
Năm 28/3	S	MTTQ&TCCT-XH12	KNLĐ: 7	XĐĐ: 11	KTBT8	ĐLCS: 24	NNPL:13
	C	NNPL: 1	KNLĐ: 8	XĐĐ: 12	KTBT9	ĐLCS: 25	NNPL:14
Sáu 29/3	S	THI XĐĐ (VĐ)	KNLĐ: 9	THI KNLĐ	THI CNXH	ĐLCS: 26	QLHC: 1
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN 30,31/3		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 01/4	S	NNPL: 2	KNLĐ: 10	XĐĐ: 13	KTBT10	ĐLCS: 27	QLHC: 2
	C	NNPL: 3	KNLĐ: 11	XĐĐ: 14	KNLĐ1	KT BỔ TRỢ 1	QLHC: 3
Ba	S	NNPL: 4	KNLĐ: 12	XĐĐ: 15	KNLĐ: 2	KTBT2	QLHC: 4

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
2/4	C	NNPL: 5	KNLĐ: 13	XDD: 16	KNLĐ: 3	KTBT3	QLHC: 5
Tư 3/4	S	NNPL: 6	KNLĐ: 14	XDD: 17	KNLĐ: 4	KTBT4	QLHC: 6
	C	NNPL: 7	KNLĐ: 15	XDD: 18	KNLĐ: 5	KTBT5	QLHC: 7
Năm 4/4	S	NNPL: 8	KNLĐ: 16	KT BỎ TRỢ 1	KNLĐ: 6	KTBT6	QLHC: 8
	C	NNPL: 9	KNLĐ: 17	KTBT2	KNLĐ: 7	KTBT7	QLHC: 9
Sáu 5/4	S	NNPL: 10	KNLĐ: 18	KTBT3	THI TTHCM	KTBT8	QLHC10
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN 06,7/4		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 8/4	S	NNPL: 11	KNLĐ: 19	KTBT4	KNLĐ: 8	KTBT 9	QLHC11
	C	NNPL: 12	KNLĐ: 20	KTBT5	KNLĐ: 9	KTBT 10	QLHC12
Ba 9/4	S	NNPL: 13	KNLĐ: 21	KTBT6	KNLĐ: 10	KNLĐ: 1	QLHC13
	C	NNPL: 14	KNLĐ: 22	KTBT7	KNLĐ: 11	KNLĐ: 2	QLHC14
Tư 10/4	S	QLHC: 1	KNLĐ: 23	KTBT8	KNLĐ: 12	KNLĐ: 3	QLHC15
	C	QLHC: 2	NVĐP1	KTBT 9	KNLĐ: 13	KNLĐ: 4	QLHC 16
Năm 11/4	S	QLHC: 3	NVĐP2	KTBT10	KNLĐ: 14	KNLĐ: 5	QLHC17
	C	QLHC: 4	NVĐP3	ĐLCS1	KNLĐ: 15	KNLĐ: 6	QLHC18
Sáu 12/4	S	THI MTTQ&TCCT-XH	THI QLHC (VĐ)	THI XDD	THI KTBT	THI ĐLCS	THI NNPL(VĐ)
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
13,14/4							
Hai 15/4	S	QLHC: 5	NVDP4	ĐLCS2	KNLĐ: 16	KNLĐ: 7	QLHC 19
	C	QLHC: 6	NVDP5	ĐLCS3	KNLĐ: 17	KNLĐ: 8	LSD1
Ba 16/4	S	QLHC: 7	NVDP6	ĐLCS4	KNLĐ: 18	KNLĐ: 9	LSD2
	C	QLHC: 8	NVDP7	ĐLCS5	KNLĐ: 19	KNLĐ: 10	LSD3
Tư 17/4	S	QLHC: 9	NVDP8	ĐLCS6	KNLĐ: 20	KNLĐ: 11	LSD4
	C	THI NNPL	THI KNLĐ	ĐLCS7	KNLĐ: 21	KNLĐ: 12	LSD5
Năm 18/4	S	NGHỈ NGÀY GIỖ TÔ HÙNG VƯƠNG					
	C						
Sáu 19/4		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN 20,21/4		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 22/4	S	QLHC: 10	NVDP9	ĐLCS8	KNLĐ: 22	KNLĐ: 13	LSD6
	C	QLHC: 11	NVDP10	ĐLCS9	KNLĐ: 23	KNLĐ: 14	LSD7
Ba 23/4	S	QLHC: 12	KTBT1	ĐLCS10	XDD 1	KNLĐ: 15	LSD8
	C	QLHC: 13	KTBT2	ĐLCS11	XDD 2	KNLĐ: 16	LSD9
Tư 24/4	S	QLHC: 14	KTBT3	ĐLCS12	XDD 3	KNLĐ: 17	LSD:10
	C	QLHC: 15	KTBT4	ĐLCS13	XDD: 4	KNLĐ: 18	LSD11
Năm	S	QLHC: 16	KTBT 5	ĐLCS14	XDD: 5	KNLĐ: 19	LSD12

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
25/4	C	QLHC: 17	KTBT6	ĐLCS15	XĐĐ: 6	KNLĐ: 20	NVĐP1
Sáu 26/4	S	QLHC: 18	KTBT7	THI KTBT	THI KNLĐ	THI KTBT	THI QLHC
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NÓI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN 27, 28/4	S	NGHỈ LỄ 30/4; 01/5					
	C						
Hai, Ba, Tư 29,30/4, 01/5	S						
	C						
Năm 2/5	S	QLHC: 19	KTBT8	ĐLCS16	XĐĐ: 7	KNLĐ: 21	NVĐP2
	C	NVĐP1	KTBT9	ĐLCS: 17	XĐĐ: 8	KNLĐ: 22	NVĐP3
Sáu 3/5	S	NVĐP2	KTBT10	ĐLCS: 18	XĐĐ: 9	KNLĐ: 23	NVĐP4
	C	THI QLHC	THI NVĐP	ĐLCS: 19	XĐĐ: 10	QLHC: 1	NVĐP5
T7, CN 04,05/5		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NÓI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 6/5	S	NVĐP3	XĐĐ 1	ĐLCS: 20	XĐĐ: 11	QLHC: 2	NVĐP6
	C	NVĐP4	XĐĐ 2	ĐLCS: 21	XĐĐ: 12	QLHC: 3	NVĐP7
Ba 7/5	S	NVĐP5	XĐĐ 3	ĐLCS: 22	XĐĐ 13	QLHC: 4	NVĐP8
	C	NVĐP6	XĐĐ 4	ĐLCS: 23	XĐĐ 14	QLHC: 5	NVĐP9
Tư	S	NVĐP7	XĐĐ 5	ĐLCS: 24	XĐĐ 15	QLHC: 6	NVĐP10

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
8/5	C	NVĐP8	XĐĐ 6	ĐLCS: 25	XĐĐ 16	QLHC: 7	MTTQ&TCCT-XH1
Năm 9/5	S	NVĐP9	XĐĐ 7	ĐLCS: 26	XĐĐ 17	QLHC:8	MTTQ&TCCT-XH2
	C	NVĐP10	XĐĐ 8	ĐLCS: 27	XĐĐ 18	QLHC:9	MTTQ&TCCT-XH3
Sáu 10/5	S	KTBT1	THI KTBT	NVĐP1	NVĐP1	THI KNLD (VĐ)	THI LSD
	C	ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
T7, CN 11,12/5		ĐI NCTT/NGÀY THỨ 7 KẾT NỐI/CHƯƠNG TRÌNH VÌ HỌC VIÊN					
Hai 13/5	S	KTBT2	XĐĐ 9	NVĐP2	NVĐP2	QLHC: 10	MTTQ&TCCT-XH4
	C	KTBT3	XĐĐ 10	NVĐP3	NVĐP3	QLHC: 11	MTTQ&TCCT-XH5
Ba 14/5	S	KTBT4	XĐĐ 11	NVĐP4	NVĐP4	QLHC: 12	MTTQ&TCCT-XH6
	C	KTBT 5	XĐĐ 12	NVĐP5	NVĐP5	QLHC: 13	THI NVĐP
Tư 15/5	S	KTBT6	XĐĐ 13	NVĐP6	NVĐP6	QLHC: 14	MTTQ&TCCT-XH7
	C	THI NVĐP	XĐĐ 14	THI ĐLCS	THI XĐĐ	QLHC: 15	MTTQ&TCCT-XH8
Năm 16/5	S	KTBT7	XĐĐ 15	NVĐP7	NVĐP7	QLHC: 16	MTTQ&TCCT-XH9
	C	KTBT8	XĐĐ 16	NVĐP8	NVĐP8	QLHC: 17	MTTQ&TCCT-XH10
Sáu 17/5	S	KTBT9	XĐĐ 17	NVĐP9	NVĐP9	QLHC: 18	MTTQ&TCCT-XH11
	C	KTBT10	XĐĐ 18	NVĐP10	NVĐP10	QLHC: 19	MTTQ&TCCT-XH12
Bảy 18/5	S	THI KTBT	THI XĐĐ	THI NVĐP	THI NVĐP	THI QLHC	THI MTTQ&TCCT-XH
	C						

Thứ ngày	Buổi	A1 (PHÒNG H104)	A2 (PHÒNG H105)	A3 (PHÒNG H106)	A4 (PHÒNG H107)	A5 (PHÒNG H304)	A6 (PHÒNG H305)
Hai 20/5	S	HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ KHÁC (NẾU CÓ)					
	C	THI VẾT					
Ba 21/5	S						
	C	HỌC HỘI ĐỒNG XÉT ĐIỀU KIỆN THI TỐT NGHIỆP: CHIỀU 21/5/2024					
		ÔN THI TỐT NGHIỆP: TỪ 21/5/2024 ĐẾN 10/6/2024					
		THI TỐT NGHIỆP: NGÀY 11, 12/6/2024 XÉT TỐT NGHIỆP: CHIỀU 14/6/2024 BẾ GIẢNG: CHIỀU 21/6/2024					

**TRƯỞNG PHÒNG
QLĐT&NCKH**


Lê Văn Phong

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**




Thịnh Văn Khoa